

Số: 57/2022/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2022/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, vụ án giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H1. – SN 1987;
Địa chỉ: Đội 7, D.P, T.Ph, T.L, Hưng Yên;
2. *Bị đơn*: Anh Ngô Hữu Đ1. - SN 1984;
Địa chỉ: Số 266- 2, đường Nangxiang, TP Nam Đầu, huyện Nam Đầu, Đài Loan;
HKTT: Đội 7, D.P, T.Ph, T.L, Hưng Yên
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Cháu Ngô Hữu P1. – SN 24/01/2013;

Người đại diện theo pháp luật: Chị Trần Thị H1. – SN 1987 (mẹ đẻ cháu P1.)

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 2 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H1. và anh Ngô Hữu Đ1..
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị H1. và anh Ngô Hữu Đ1. thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Hữu P1. – SN 24/01/2013. Hiện cháu P1. đang ở với chị H1.. Ly hôn, giao cháu P1. cho chị H1. được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến năm cháu P1. đủ 18 tuổi. Anh Đ1. không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.
 - Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trần Thị H1. và anh Ngô Hữu Đ1. không yêu cầu

TAND tỉnh Hưng Yên giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H1. tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H1. đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000175 ngày 21/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, số tiền còn lại 150.000đ hoàn trả chị H1..

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã T.Ph*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Hoàng Hữu Tăng